

- move (i) migrate, relocate: chuyển, rời
 - better (adj) tốt hơn
 - abroad = overseas (adv) người nước, hải ngoại
-
-

3) Ở một số nơi thế giới, bạn không thể hút thuốc ở bất cứ đâu cả.

- place (c) nơi
 - smoke (i) hút thuốc
 - anywhere (adv) bất cứ đâu
-
-

3. Trạng từ chỉ tần suất

- Trạng từ chỉ tần suất là những từ cho biết mức độ thường xuyên xảy ra của sự việc.

Ex: *always* (luôn luôn), *never*, *usually/often* (thông thường), *sometimes/occasionally* (thỉnh thoảng), *seldom/rarely* (hiếm khi), *hardly ever* (hầu như không bao giờ), *constantly/continuously* (liên tục, lúc nào cũng), *once a week* (một lần một tuần), *twice a week* (hai lần một tuần), *every day/daily*...

- He **usually** took part in outdoor activities when he was a child.
(Anh ấy thường tham gia vào các hoạt động ngoài trời khi là một đứa trẻ)
- I **hardly ever** argue with my father. (Tôi hầu như không bao giờ cãi nhau với cha tôi)
- Fast food is **always** not healthy. (Thức ăn nhanh luôn không tốt cho sức khỏe)
- I **usually** do exercise **twice a week**. (Tôi thường tập thể dục hai lần một tuần)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây

1) Anh ấy luôn giúp đỡ tôi khi tôi gặp khó khăn.

- have difficulty: gặp khó khăn
-

2) Anh ấy luôn là bạn tốt của tôi.

3) Tôi thường đọc tin tức về dịch bệnh covid-19 hằng ngày trước khi tôi đi ngủ.

- news (on/about) (u) tin tức

- the covid-19 epidemic (n) dịch covid-19

4) Người trẻ nên tập thể dục hai lần một tuần trong thời gian rảnh.

- youngster (c) người trẻ

- do exercise: tập thể dục

5) Chúng tôi hiếm khi có cơ hội gặp nhau vào những ngày trong tuần.

- have a chance (or an opportunity) to

- each other= one another

do sth: có cơ hội làm gì đó

- weekday (c) ngày trong tuần

4. Trạng từ chỉ cách thức

- Trạng từ chỉ cách thức là những từ cho biết sự việc xảy ra hoặc được thực hiện như thế nào

- Trạng từ chỉ cách thức dùng để bổ nghĩa cho động từ thường và thường đứng cuối câu, hoặc đôi khi đứng trước động từ thường đó.

- Trạng từ chỉ cách thức thường được thành lập bằng cách thêm đuôi "ly" vào tính từ.

Ex: *exactly* (một cách chính xác), *happily*, *politely* (một cách lịch sự), *slowly*, *quickly*, *badly*, *smartly*, *heavily*, *carefully*, *flexibly* (một cách linh hoạt), *thoroughly* (một cách tỉ mỉ), *hard* (một cách chăm chỉ), *early* (sớm), *late* (trễ), *fast* (nhANH), *well*,.....